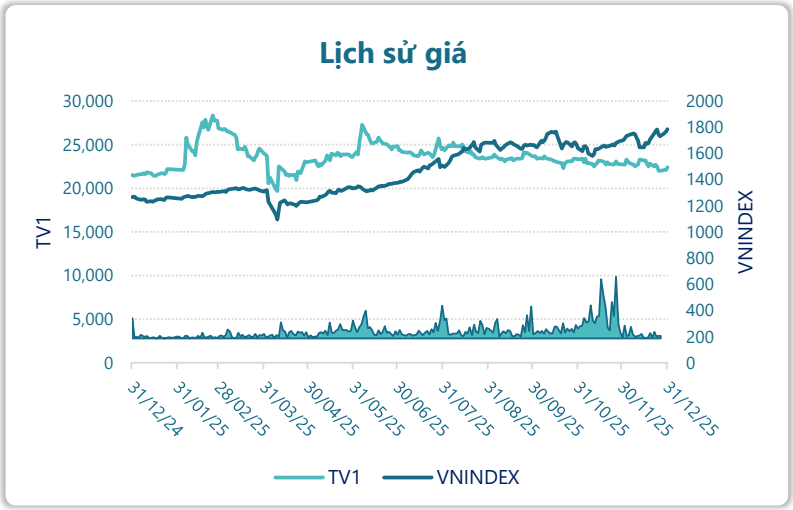
FireAnt

CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 1 (UPCOM: TV1)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**22,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	28,351
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	19,680
SL cổ phiếu LH	26,691,319
KLGD BQ 20 phiên (CP)	17,770
% sở hữu nước ngoài	0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	598
P/E	4.0
EPS	5,627

DT thuần

Q4/25

318

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 169| 113%

YoY: ▲ 90.0| 39.5%

LN sau thuế

Q4/25

63.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 37.0| 138%

YoY: ▲ 30.1| 89.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

28.3%

+/- YoY: ▲ 5.2%

DT thuần

2025

709

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 145| 25.6%

LN sau thuế

2025

150

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 62.5| 71.7%

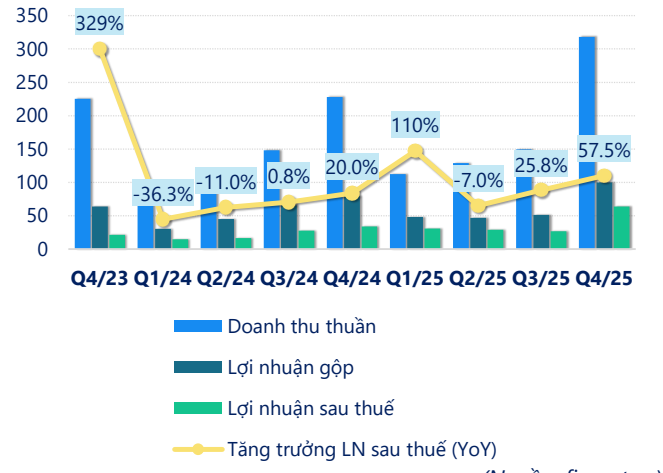
ROE

2025

33.2%

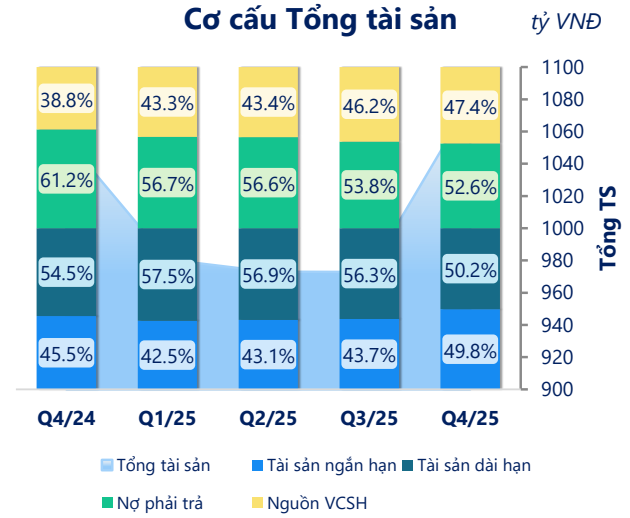
+/- YoY: ▲ 10.0%

Kết quả kinh doanh



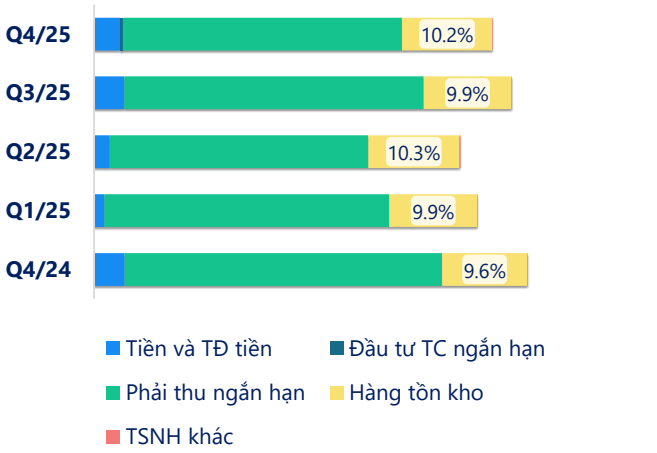
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



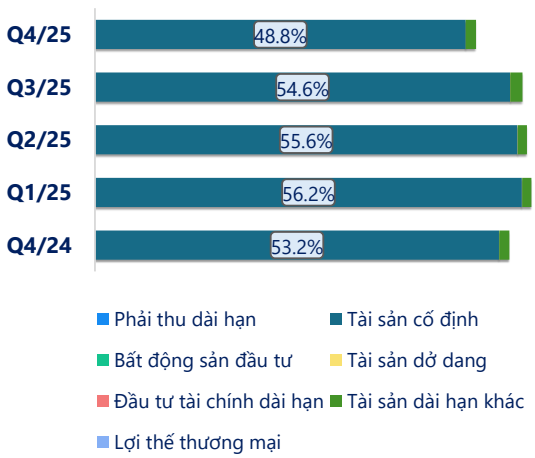
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



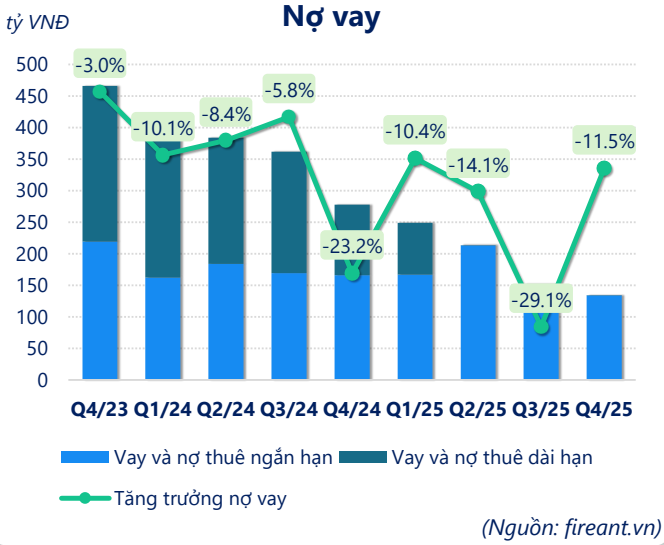
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



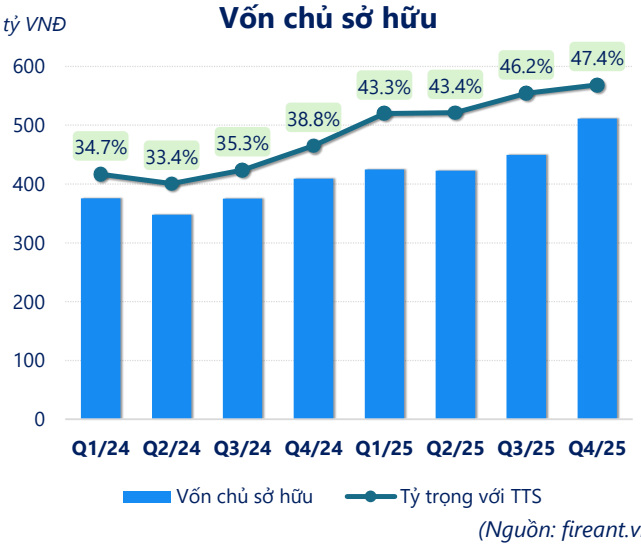
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



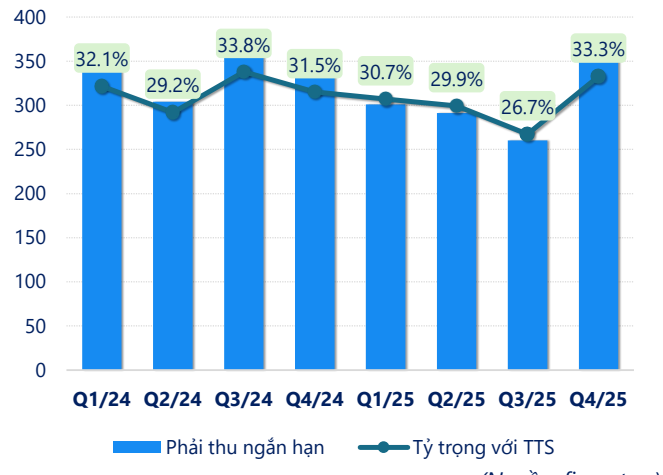
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



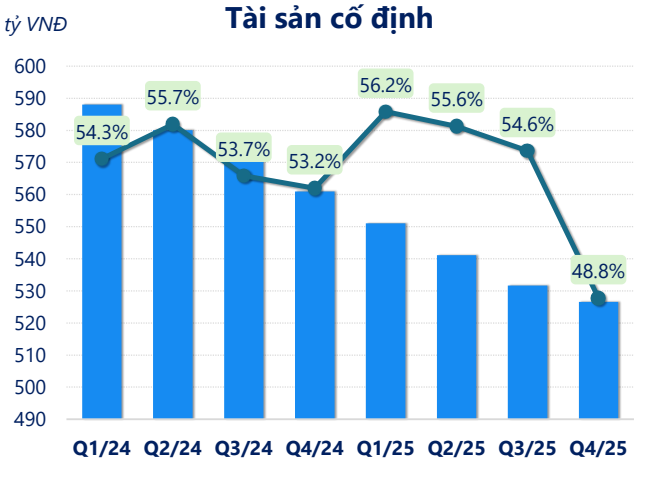
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



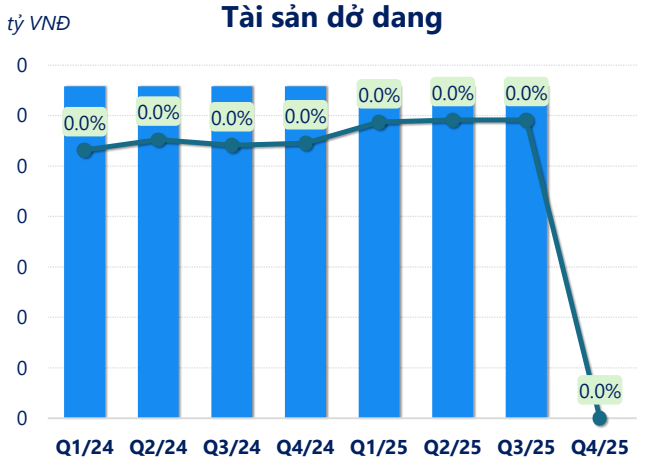
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



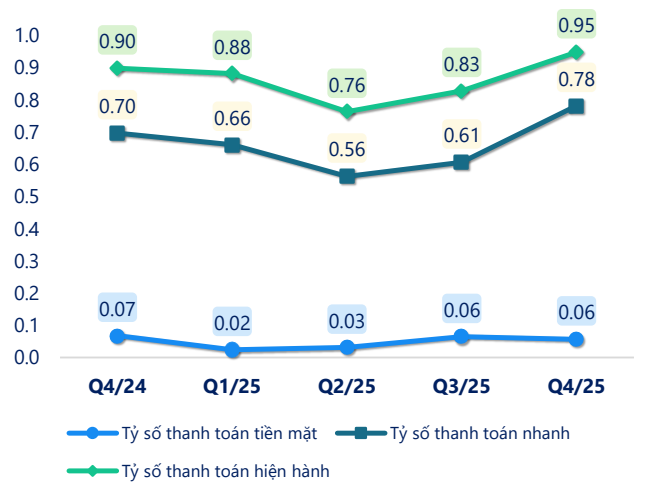
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**1,055**	**981**	**973**	**973**	**1,079**
Tài sản ngắn hạn	**480**	**417**	**420**	**425**	**538**
Tiền và tương đương tiền	36.3	11.4	17.0	33.0	32.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.68	0	0	17.0	51.3
Phải thu ngắn hạn	332	301	291	260	359
Hàng tồn kho	107	104	111	114	94.3
Tài sản ngắn hạn khác	0.89	0.47	1.03	0.97	0.97
Tài sản dài hạn	**575**	**563**	**553**	**548**	**541**
Phải thu dài hạn	0.13	0.05	0.05	0.05	0.05
Tài sản cố định	561	551	541	532	527
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.33	0.33	0.33	0.33	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	14.1	12.0	11.9	15.7	14.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**646**	**555**	**550**	**523**	**568**
Nợ ngắn hạn	**534**	**473**	**550**	**513**	**567**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	166	167	213	142	134
Phải trả người bán ngắn hạn	61.1	52.0	55.7	53.4	66.9
Nợ dài hạn	112	82.2	0.48	9.92	0.48
Vay và nợ thuê dài hạn	112	82.2	0.48	9.92	0.48
Nguồn vốn chủ sở hữu	**409**	**425**	**423**	**450**	**511**
Vốn chủ sở hữu	**409**	**425**	**423**	**449**	**511**
Vốn điều lệ	267	267	267	267	267
Kinh phí và quỹ khác	0.11	0.11	0.11	0.11	0

(Nguồn: fireant.vn)